

Tóc Trắng

Tiểu Tử



ng Hai vừa mở mắt thức giấc đã nghiêng đầu nhìn cái đồng hồ reo nằm trên bàn cạnh đầu giường. Đồng hồ quartz loại nhảy số. Ông nheo mắt đọc: “Chín giờ hai mươi”. Rồi nằm ngay ngắn lại, cầu nhàu: “Đồng hồ gì mà không có một cây kim, không có một tiếng tích-tắc. Chẳng biết đâu mà rờ!”. Ông nhớ lại hồi còn ở bên nhà, ông cũng có một cái đồng hồ reo đặt ở cạnh đầu nằm. Nó lớn bằng bốn cái đồng hồ điện tử “mắc dịch” này. Nó hiệu Jaz, ông còn nhớ rõ. Nước xi bóng loáng, mặt dạ quang, “ban đêm thấy rõ như ban ngày”. Và khi nó reo thì... “hàng xóm còn nghe chớ đừng nói chi người nằm ngủ kế bên”. Như vậy mới gọi là đồng hồ báo thức. Chớ phải đâu như cái đồng hồ điện tử này, nó reo “bíp bíp, bíp bíp” nhỏ rí như sợ người ta nghe! Ngoài ra, cái đồng hồ reo của ông, không cần nhìn cũng biết nó đang chạy, bởi vì chỉ cần nghe tiếng “cộc cộc, cộc cộc” của nó là đủ. Phải công nhận là tiếng kêu của nó “có hơi lớn”, nhứt là về khuya, lúc thanh vắng, nghe giống như tiếng gõ mõ nhịp đôi.

Hồi xưa, hồi còn sanh tiền, bà Hai vẫn phàn nàn về vụ tiếng “cộc cộc, cộc cộc” của cái đồng hồ. Bà nói: “Cái đồng hồ reo của ông càng già càng kêu lớn. Nó giống như ông, càng về già ông càng ngáy to, chẳng để cho ai ngủ hết!” Rồi, chẳng lẽ đi chỗ khác ngủ sau mấy chục năm ngủ chung, bà Hai đã giải quyết vấn đề bằng cách... nằm ngược chiều với ông Hai, nghĩa là bà nằm xoay đầu về phía chân giường. Dĩ nhiên là ông Hai đã phật ý, không thèm nói chuyện với bà Hai hết một thời gian. Nhưng riết rồi cũng quen đi, nên không còn để ý đến tình trạng dị thường đó. Cũng như ông Hai đã quen nghe tiếng “cộc cộc, cộc cộc” của cái đồng hồ nên không nhận thấy là nó kêu lớn! Đối với ông, tiếng động quen thuộc đó chứng tỏ là cái đồng hồ còn “sống”, nghĩa là ông không có quên lên giây thiều. Và như vậy, ông mới yên lòng dỗ giấc ngủ.

Ông Hai đưa mắt nhìn quanh căn phòng nhỏ. Thời tiết đã sang xuân nên vào giờ này, trong phòng đã đầy ánh sáng. Căn phòng thật là “nhỏ xíu giống như một cái hộp”. Hồi ông mới tới Pháp, mấy con ông đi rước ở phi trường Charles de Gaulle, tíu ta tíu tít: “Tụi con đều ở chung một immeuble. Chỉ có chị Hai là ở tuốt dưới Tours. Mới đầu, tụi con định lấy một studio trong immeuble cho Ba ở, nhưng chị Ba không chịu. Nói Ba già rồi, ở một mình bất tiện, nên chị Ba dọn cho ba một phòng riêng trong appartement của chị, có vue xuống lac. Rồi ba coi. Dễ thương lắm!” Ông Hai chưa từng xuất ngoại nên chẳng hình dung được cái “appartement” bên Pháp nó ra làm sao, nhưng nghe các con diễn tả có vẻ “rất vừa ý cả bọn”, ông cũng nghe vui trong lòng.

Khi về đến nhà Kim – người con gái thứ nhì của ông Hai – ông tưởng như đi vào một cái hang chớ không phải một cái nhà! Cái gì mà mới bước vào là đã phải lo quẹo trái –bởi vì bên mặt là cửa vào nhà bếp- rồi bước vài bước phải quẹo mặt rồi lại quẹo mặt lần nữa để tránh nhà tắm và cầu tiêu nằm liền nhau ở góc đó, rồi đi tới mấy bước lại phải quẹo trái mới vào được căn phòng “có vue xuống lac dễ thương lắm”. Phòng nhỏ xíu vuông vức, bước có mấy bước là đụng tường, nhìn ra phía ngoài qua ô kiếng to thấy trời lồng lộng bởi vì không có nhà ở phía đối diện. Nhìn xuống bên dưới -vì nhà ở tầng thứ tám- thấy toàn bộ cái hồ nhân tạo thật rộng với đồi cao trũng thấp và những con đường đất nhỏ uốn khúc quanh quanh. Thằng Út -con trai út của ông Hai, tên Tuấn nhưng ở nhà quen gọi là Út, năm nay “trên hai mươi tuổi là ít”- ôm lấy lưng ông Hai đang đứng gần ô kiếng: “Ba biết không? Ở Paris khó kiếm được nhà có cái vue như vậy lắm. Và hướng này là hướng đông nam, sáng, nắng vào tận phòng. Ba có thể vừa ngồi đây sưởi nắng vừa nhìn xuống lac coi vịt, thiên nga... Tụi con biết thế nào Ba cũng thích”. Ông đưa tay vỗ vai nó - bây giờ nó cao lớn quá, không vỗ được đầu nó như hồi thuở ông đưa nó lên phi trường để “đi Tây”- gật gật đầu: “Ờ... Ba cũng thích lắm!” Nói như vậy, nhưng khi mấy con kéo hết ra phòng khách để cho ông thay đồ, ông ngồi xuống giường nhìn quanh rồi thở dài...

Mấy đứa con, vì “đi Tây” quá sớm, không biết cái nhà mà ông đã xây cất ở trên sở cao su của ông. Cái nhà đó, ông đã mơ nó từ thuở còn là thơ ký cho hãng cao-su Terre Rouge. Hồi đó mới có hai đứa con, mà đã hình dung trong đầu một cái nhà thật to, kiểu “colonial”, có hàng ba thật rộng vây quanh để tránh trời trưa hanh nắng... Cái nhà “trong mộng” đó phải to hơn đẹp hơn cái nhà của thằng chủ Terre Rouge. Mà muốn như vậy, không phải làm công suốt đời mà có được. Vậy là hai vợ chồng “thôi” Terre Rouge (bà Hai cũng làm việc cho Terre Rouge). Rồi vay nợ ngân hàng, gom góp từng đồng để xây dựng một đồn điền cao su riêng cho mình. Sau đó, phải đổ mồ hôi xót con mắt hết mười mấy năm để bắt đầu dư dả tiền bạc thực hiện “cái nhà trong mộng”.

Ông hãnh diện với cái nhà đó lắm. Ông thường nói: “Tôi đã vẽ nó trong đầu hồi tôi chỉ có hai bàn tay trắng”. Hôm ăn tân gia, ông Hai đã “mời hết cả tỉnh” đến dự, có cả mấy hãng cao su Terre Rouge, SIPH... Quan khách ai cũng

trầm trồ khen ngợi, nhứt là cái phòng ngủ thật rộng trong đó có cả bộ xa long để ông Hai ngồi hút thuốc đọc báo nghe ra-dô!

Hồi 75, Việt Cộng về, vẫn cho ông ở cái nhà đó tuy rằng sở sùng đã bị tịch thu hết (Họ nghĩ tình hồi xưa ông đã “đóng góp” giúp cách mạng nên cho ông một chân trong tổ kế hoạch, suốt ngày ngồi... uống trà, hút thuốc. Vụ này đã làm cho bà Hai buồn rầu sanh bệnh rồi qua đời vào giữa năm sau...) Rồi lần lần, Việt Cộng “lấn” ông ra nhà bếp để lấy nhà trên làm trụ sở ủy ban nhân dân. Cái nhà bếp đó vậy mà rộng rãi thoải mái hơn cái “phòng nhỏ có vue xuống lac” này...

Nghĩ đến đó, ông Hai bật cười. Hồi mới đến tịch thu đồn điền, Việt Cộng chạy xe thẳng vào văn-phòng nằm cạnh con lộ cái. Ở đó, có khu nhà máy, khu nhà kho, khu cơ giới... v.v. Thấy đồ sộ như vậy, chúng nó bèn “đóng chốt” ngay ở văn phòng, ăn ngủ ở đó luôn mặc dù trong đồn điền còn có khu nhà ở, bệnh xá, trường học, câu lạc bộ... không thiếu gì nơi để ở. Đã gọi là hòa bình rồi mà tại Việt Cộng vẫn còn lối sống dã chiến: lấn chiếm được đến đâu là “ta đóng chốt ngay ở đó thôi”. Về sau, khi chúng nó “báo cáo rằng mạng lưới tổ chức đã hoàn chỉnh” thì khu văn phòng đã biến thành nhà ở của mấy gia đình cán bộ, còn nhà ở của ông Hai được chia đôi, một bên làm văn phòng, một bên làm ủy ban nhân dân - nghĩa là làm việc ở cách nhà máy trên hai cây số!- nhà bếp của ông đã biến thành nhà kho sau khi chúng nó đã “lích” ông ra nhà kho để ở!

Cái gì cũng ngược ngạo hết. Ngược ngạo đến vô lý! Vậy mà hể mở miệng ra là chúng nó cứ tự hào là “đỉnh cao trí tuệ”!

Năng đã bắt đầu vào đầy phòng. Căn phòng nhỏ bây giờ thật ấm. Ông Hai vẫn nằm yên, lắng nghe từng tiếng động (Đó là cái thú “nằm nường” của ông hồi còn ở bên nhà vào những sáng chủ-nhứt rồi rảnh). Bốn bề yên lặng. Lâu lâu nghe tiếng nước “giọt cầu” từ mấy tầng lầu trên theo ống dẫn chảy ngang một cách âm thầm vội vã... Rồi hết. Yên lặng đến buồn thiu! Chẳng bằng ở bên nhà. Hừng sáng đã nghe gà gáy, không phải một con mà là ba bốn con, gáy “đổi đáp” thật rộn rã. Rồi tiếng bầy chim trong lá ríu rít, nghe lúc xa lúc gần đủ biết là chúng đang bay liệng từ cây này sang cây nọ, trở đi trở về. Đến khi nghe mấy con gà mái kêu tục tục xen lẫn tiếng gà con chim-chíp, tiếng vịt khàn khàn, tiếng ngỗng huen-hoét... là biết ngay thím Tám Lư đang cho gà vịt ăn ở vườn sau. Rồi đến tiếng mô-tô nổ máy, rồ vài “cú” xong là nghe tiếng máy đi xa lần xa lần. Đó là thằng Rớt đang chạy xuống tỉnh mua hủ tiếu về cho ông ăn sáng. Ngần đó tiếng động vây quanh ông, thật là tầm thường nhưng cũng thật sinh động. Chẳng có gì hết, vậy mà sao ông nghe hoài không thấy chán. Trái lại, mỗi lần có dịp “nằm nường” để lắng nghe những tiếng động quen thuộc đó, tâm hồn ông lâng lâng trải rộng. Làm như chúng nó đem đến cho ông cái thi vị đầu ngày, nhẹ nhàng tươi mát...

Những tiếng động đó, bây giờ, ông nằm đây trong cái yên lặng của căn phòng nhỏ, ông mừng tượng như còn nghe rõ ở trong đầu. Không sót, không quên một tiếng động nào hết, kể cả tiếng đồ kiếng tòn-teng tòn-teng mỗi mười lăm phút của cái đồng hồ Westminster treo ở phòng khách nhà ông. Ở... cái đồng hồ hồi đó ông mua ở Passage Eden đường Catinat. Thùng làm bằng gỗ quý chạm trổ thật khéo. Trên mặt có ba lỗ để lên dây thiều: một lỗ để cho máy chạy, một lỗ để đồ kiếng, một lỗ để đánh giờ. “Trứng dái” đóng đưa nghe cộc-cạch cộc-cạch chậm rãi đều đặn (Về điểm này, bà Hai cần nhắc: “Ông ăn nói không thanh bai chút nào hết. Quả lắc thì gọi là quả lắc, chớ gọi trứng này trứng nọ nghe dị-hư quá chừng!” Ông cãi: “Thì từ xưa đến giờ thiên hạ gọi cái đó là trứng dái, chớ gọi bằng gì? Tôi chẳng thấy có gì tục tĩu trong đó hết. Tại vì mình nghĩ bấy nên mới thấy nó tục”

Từ đó, bà Hai không thèm đá động tới cái bộ-phận lòng-thòng lắc qua lắc lại ở phần dưới của cái đồng hồ Westminster!)

Hồi đó, những lúc “nằm nường”, ông hay lắng tai nghe tiếng đồng hồ đồ kiếng diu dặt: đồ “một hồi” là mười lăm phút, đồ “hai hồi” là ba chục phút, đồ “ba hồi” là bốn mươi lăm phút, còn đồ “bốn hồi” là sửa soạn đánh giờ... Thật là thú vị! Minh “nghe” thời gian đi qua và “biết” thời gian đã đi qua từ lúc nào! Thành ra, tiếng cộc-cạch cộc-cạch, tiếng đồ kiếng, tiếng đánh giờ của đồng hồ Westminster cũng thuộc vào những tiếng động mà ông Hai đã mang theo trong lòng khi bỏ xứ ra đi...

Giờ này, nhà vắng teo. Vợ chồng Kim đã đi làm, chiều mới về. Thằng Tí, bốn tuổi, cháu ngoại của ông, đã được cô Út của nó rước về Antony hôm qua vì có ông bà nội nó từ dưới tỉnh lên chơi. Hồi ông mới qua Pháp, lần đầu gặp thằng Tí, nó thấy người lạ nên lấp ló núp sau váy của má nó, miệng cười lỏn lổn. Má nó nói: “Ông ngoại nè con. Bonjour ông ngoại đi!” Ông ngồi xuống ghế xa-long đưa hai tay về phía nó: “Lại đây, lại đây ngoại cưng”. Má nó phải đẩy nhẹ nó mấy lần nó mới bước tới bắt tay ông Hai. Ông ôm nó vào lòng, hôn lên má phình-phính của nó mà nghe thơm nghe ngon. Tình thương bỗng dâng tràn trong lòng.

Trong giây phút đó, ông bỗng thấy chẳng còn tiếc cái gì nữa hết, từ đồn điền cao su đến cái nhà trong mộng, mà Việt Cộng đã chiếm đoạt. Làm như đứa cháu ngoại mà ông đang ôm trong vòng tay đã mang đến cho ông một luồng

sinh khí mới, một cái gì mà ngay bây giờ đã chiếm trọn tâm hồn ông. Lạ quá! Có bằng chút xíu như vậy - thằng Tí - mà đã có thể thay thế được những gì thật lớn lao thật sâu rộng mà ông đang mang mệnh trong lòng như quê hương, như sự nghiệp! Ông lại ôm hôn nó một lần nữa để nhận thấy rằng ông không lầm: tình cảm mới mẻ đó có thật như vậy. Lần này, chẳng ai bảo mà thằng Tí tự nhiên nhón chân lên hôn ông Hai. Nó hôn bằng mũi giống như ông hôn nó! Rồi nó quay lại nhìn mọi người, miệng cười lỏn lẻn.

Ông ứa nước mắt vì sung sướng và nghĩ rằng ở cái tuổi già và trong cuộc sống lưu vong, có được đứa cháu ngoại như vậy, thật là Trời còn thương ông nhiều quá! Rồi ông ví-von: quê hương của ông bây giờ là thằng cháu ngoại này. Ông sẽ vung-bồi nó như ngày xưa ông đã vun bồi chăm sóc vườn ương cao su con, để khi đem ra lô, nó sẽ lớn mau lớn mạnh. Nhứt là cái gốc Việt Nam, phải còn, phải có...

Từ đó hai ông cháu như hình với bóng. Ông lãnh phần đưa rước thằng Tí đi trường mẫu giáo. Mỗi sáng, ăn điểm-tâm xong là ông cháu dẫn nhau thả bộ lại trường nằm cách nhà không xa lắm, ở khu nhà nằm phía bên kia hồ. Thằng Tí phát âm tiếng ngoại không được, nên gọi ông nó bằng “moại” nhưng lại nghe ra là “mọi” làm má nó rầy quá, cứ bắt thằng nhỏ chu môi ngoáy miệng lập đi lập lại cho đúng. Ông rầy: “Kệ nó, con! Từ từ... Đừng làm quá đây rồi nó bị mặc-cảm không thềm gọi ba bằng gì hết thì khổ? Thà để nó gọi trại trại mà mình còn nghe có cái gì Việt Nam. Rồi mình sửa lần, con hiểu không?” Ông thường can thiệp những chuyện như vậy nên thằng Tí thích ông ngoại nó lắm. Đi với ông, nó học từng tiếng Việt và cố gắng nhớ để nói cho đúng. Bởi vì nó thấy mỗi lần nó nói đúng, ông ngoại nó thật vui. Còn ôm nó hôn trơ trất nữa.

Có một lần ông Hai chỉ mấy con vịt đang lội trên hồ, hỏi: “Con này kêu là con gì, Tí?” Thằng nhỏ nhìn vịt rồi nhìn ông, vừa lắc đầu vừa cười lỏn lẻn: “Không biết”. Ông nói, phát âm từng tiếng thật rõ: “Con... vịt”. Thằng nhỏ lập đi lập lại mấy lần cho đúng và cho nhớ. Một lúc sau, ông chỉ vịt mà hỏi: “Con này là con gì?” Thằng nhỏ nói “Con...”, rồi há miệng tròn vo định nói tiếp. Ông thấy ngay là sai rồi, bởi vì vịt không thể phát âm với cái miệng mở tròn được. Ông bèn ra dấu để nhắc nó, ông chỉ chỉ lên miệng ông. Ở đó, ông bành môi ra cho giẹp giẹp như sắp phát âm “vịt”. Thằng nhỏ mắt sáng rỡ, khép miệng lại rồi làm y như ông nhắc. Nó nói vịt mà đầu nó gật xuống một cái, đủ thấy nó cố gắng vô cùng làm ông thấy thương quá. Bỗng nó hỏi: “Moại! Moại! Sao con vịt nó giống con... nó giống con...” Ông tiếp hơi cho thằng nhỏ: “Nó giống con...” Thằng Tí nói lớn như vừa được tiếp sức, vừa lớn vừa rõ: “Nó giống con canard...” Ông bật cười, chửi đồng nho nhỏ: “Cha mày!”, rồi ôm hôn nó đầy mặt đầy cổ. Nó nhột, rút đầu rút cổ cười lên hăng-hắc...

Nghĩ đến đó, ông Hai thở dài. Bây giờ, ông không còn đưa rước thằng Tí nữa. Má nó giành làm. Viện cớ là cần gặp thường xuyên những người phụ trách mẫu giáo để hỏi han theo dõi tình hình phát triển của thằng nhỏ. Ông nghĩ là có một lý-do nào khác mà má thằng Tí không tiện nói ra. Mới đầu, ông thật buồn, nhưng rồi cũng phải nhẫn nại chịu như vậy. Và định bụng có dịp nào đó sẽ hỏi Kim cho rõ trắng đen. Trong khi chờ đợi, ông nằm nhà như một người thất nghiệp, đi ra đi vô phòng khách nhà bếp, hút thuốc hết điếu này đến điếu khác. Lâu lâu nhìn đồng hồ để coi mấy giờ, làm như đang trông một cái gì hay đang đợi một người nào đó! Có hôm ông cũng xuống dưới nhà đi bách bộ quanh hồ, rồi quen chân đi lại trường mẫu-giáo đứng cạnh rào lưới kẽm đưa mắt tìm thằng Tí trong bầy trẻ đang nô đùa bên trong. Không có gì: ông chỉ cần thấy xa xa thằng cháu ngoại đang la hét chạy nhảy với bầy bạn của nó là đủ để ông nghe trong lòng phới-phới một niềm vui... Có khi thằng Tí nhìn thấy ông, nó mừng rỡ vừa chạy lại vừa kêu: “Moại! Moại!” Đến hàng rào, nó đưa ngón tay trở mồm mím qua lỗ lưới kẽm để cho ông nắm lấy bằng đầu mấy ngón tay khẳng khiu của ông, lắc nhẹ nhẹ. Đó là cái bonjour của hai ông cháu. Xong, ông nói: “Thôi! Vô trống chơi đi con. Ngoại về”. Chỉ có như vậy thôi! Vậy mà cả ngày hôm đó, cái gì ông cũng thấy tươi thấy đẹp...

Ông Hai vươn vai ngáp rồi ngồi dậy với lấy áo lạnh dài tay máng trên thành ghế mặc vào kỹ càng mới bước xuống giường. Ông kéo cái couette xuống phía chân giường để so lại thẳng thớm cái mền xếp đôi nằm giữa cái drap và cái couette. Xong, ông lại kéo cái couette đắp trở lại trên mền, kéo mí drap phủ lên couette. Cuối cùng, ông lòn tay kéo tất cả cái “thứ tự” đó lật ngửa lên và tuột xuống phía chân giường. Ông phải làm như vậy để chiều về con gái ông làm giường thấy rằng “ông ngủ hạp vệ sinh” nghĩa là có nằm giữa hai lớp drap đang hoàng! Câu chuyện có vẻ “rắc rối” này bắt đầu từ hồi ông mới qua Pháp. Hai đêm đầu, ông ngủ không được. Một phần vì sự chênh lệch giờ giấc, một phần vì lạ nhà và nhứt là lối “ngủ theo tây” ông không hạp. Cái gì mà khi mình chui vào giữa hai tấm drap, mình nghe nó lạnh ngắt. “Mò” tới đâu là nghe lạnh tới đó, mặc dầu bên trên có phủ kín nhét kỹ một cái couette dày. Rồi phải nằm đợi một lúc lâu, bên trong mới ấm ấm!

Đến ngày thứ ba, ông nói với con gái: “Cho ba xin một cái mền, con!” Kim ngạc nhiên: “Ủa! Bộ cái couette không đủ ấm sao ba?” Ông ngần ngừ rồi đáp: “Thì... cũng ấm. Nhưng ba muốn có một cái mền...” Ba thằng Tí chen vào, nói với Kim: “Thì em cứ mua cho ba một cái mền, đi! Ba già rồi chớ phải như tụi mình đâu mà ngủ với cái couette là đủ”. Vậy là hôm đó, đi làm về, Kim mang về một cái mền to. Kim xếp cái mền làm đôi đặt ở giữa tấm drap trên và cái couette.

Đêm đó, thay vì chui vào giữa hai lớp drap, ông Hai chui vào giữa hai lớp mền! Chui vào tới đâu là nghe ấm tới đó! Thật là thích thú! Ông đưa bàn chân “mò” bên mặt bên trái, ông đưa bàn tay rờ rờ lớp mền dưới lớp mền trên, bắt gặp lại cảm giác quen thuộc khi đắp mền hồi còn ở bên nhà: lòng mền dù mịn nhưng vẫn đậm đậm chích-chích. Ông lại thích như vậy. Ông nhớ lại hồi nhỏ khi còn ở với bà nội dưới quê, trưa trưa ông hay nhảy vào bồ lúa trải cái bao bố tời lên mặt lúa rồi “ình” lên đó ngủ một giấc “ngon lành”. Riết rồi ông ghiền cái vừa êm êm vừa xót xót đó! Cho nên khi đã chui vào giữa hai lớp mền, ông tưởng chừng như ông là đứa bé vừa nắm được “cái ghiền” để đi vào giấc ngủ... Vậy rồi hôm sau, khi con gái của ông làm giường thấy cái “ổ” êm êm xót xót đó, la lên: “Trời ơi! Ba ngủ gì kỳ vậy? Người ta nằm giữa hai lớp drap cho nó sạch sẽ hợp vệ sinh, bởi vì drap mình thay mình giặt. Chớ còn chui vào mền, nó tẩm trong đó chịu gì nổi!” Vậy là từ đó, đầu hôm, ông chui vào hai lớp drap “cho con nó vui” (Kim thường đưa cha vào giường mỗi tối để chèn tấn mí couette thật kỹ sợ ông già thấm lạnh về khuya) Nhưng khi đã tắt đèn, ông chờ một lúc “coi động tịnh thế nào” rồi mới chung ra để mò mẫm đỡ mí mền chui vô... Rồi sáng nào dậy cũng phải... sắp xếp lại drap mền couette cho có vẻ “tự nhiên”, làm như ông đã ngủ giữa hai lớp drap, “đúng như lời con nó dặn”!

Ông đốt điều thuốc rồi vào ngồi trong cầu tiêu. Cái cầu này, ông đã để ý từ hôm mới đến, nước cứ chảy tồn tồn. Chắc cái clapet đóng không kín. Mấy vụ này mà có thằng Rớt ở đây thì chỉ “mười lăm phút, nửa tiếng là xong ngay”. Thằng Rớt là con trai út của Chín Lúa, người phụ tá đắc lực của ông. Chín Lúa đến giúp việc cho ông từ thuở ông còn chạy nợ hốt hụi mỗi cuối tháng để trả lương dân thợ. Sau này, vì nghĩ đến cái công góp phần dựng nghiệp đó mà ông đã cắt đất cho vợ chồng Chín Lúa ra canh tác riêng, ông giúp nông-cụ cơ-giới và phân bón. Thay vì trồng cây ăn trái như các nhà vườn khác, Chín Lúa lại tiếp tục trồng cao-su.

Ông Hai thường nói đùa: “Tên là Lúa, dân Hậu Giang, vậy mà lại lập nghiệp ở miền Đông, và chuyên môn trồng cao su chớ không phải trồng lúa! Thiệt là tréo cẳng ngỗng!” Cái hôm mà vợ Chín Lúa chuyển bụng thằng Rớt, Chín Lúa đi Sài Gòn vắng. Hay tin, ông bèn cho tài xế lấy xe đưa bà bầu đi sanh. Nhưng đi nửa đường là thằng nhỏ đã lọt lòng! Vì vậy mới đặt tên nó là Rớt. Về sau, để tỏ lòng biết ơn, vợ chồng Chín Lúa bắt thằng nhỏ gọi ông bà Hai bằng ông nội, bà nội. Lớn lên, thằng Rớt chỉ mê có máy-móc. Thứ gì nó cũng “dọc”. Máy nào ăn-banh, nó cũng lặn vào phụ máy ông thợ cái mò ra “bệnh” để sửa. Nhờ vậy mà nó giỏi. Trong nhà, có cái gì hư cũng một tay nó sửa hết. Cho nên bà Hai mến nó lắm. Hồi bà Hai mẫn phần, nó cũng chít khăn chịu tang, rồi dọn về ở với ông Hai “cho có ông có cháu”. Chiều chiều nó lấy Honda đeo “ông nội” nó xuống quán Tư Siêu nhậu thịt rừng. Nó không ưa Việt Cộng. Nó nói với ông Hai:

“Tụi này xài không vô, nội à! Dốt thấy mẹ mà cứ làm tàng. Cho nên rớt tới đâu là hư tới đó, rồi chê trong Nam máy móc thiết bị không đúng tiêu chuẩn, bảo quản không có kế hoạch... Có khi còn nghi là có kẻ phản động muốn phá hoại nữa! Cho nên bác Tư, chú Hai Quới, bác Sáu Tài đều lần lần rút lui hết vì sợ vạ lây! Bỏ máy móc lại cho cha con tụi nó mò thối họng. Thằng thủ trưởng có tới gặp con mấy lần nhưng con cho de luôn. Kệ bà nó! Muốn tới đâu thì tới!”

Tánh tình thằng Rớt rất bộc trực, lại ít học nên ăn nói “phang ngang bữa củi” chẳng cần dè-dặt nề nang gì hết. Vậy mà ông Hai lại thương nó ở chỗ đó. Ông thấy ở nó cái cốt cách của người dân quê, thật tự nhiên, “ăn sao nói vậy” nhưng xử sự “có thủy có chung, biết tình biết nghĩa”. Hồi Việt Cộng về tịch-thâu đồn điền (sở cao su của Chín Lúa cũng cùng chung một số phận) vợ chồng Chín Lúa và thằng Rớt chạy qua nhà định chờ ông bà Hai đi trốn. Ông bà Hai không chịu đi. Thằng Rớt quyết định ở lại để bảo vệ “ông bà nội”. Nó nói: “Mấy thằng này tiền hậu bất nhứt, khó tin lắm, nội! Hồi mới vô tuyên bố là không động tới cây kim sợi chỉ của nhân dân, nghe ngon lành. Vậy rồi sau đó hốt hết!”

Sau này, chính thằng Rớt khuyên “ông nội” nó đi Tây. Nó nói: “Nội già rồi. Bà đã mất. Mấy cô chú đều ở ngoại quốc hết. Nội còn tiếc cái gì nữa mà không chịu đi Tây phút cho rồi? Ở lại đây, liệu nội có làm gì được nữa không? Nội đi đi! Để còn hưởng cái an-nhàn của tuổi già. Còn hơn ở lại mà ứa gan khi nhìn tụi nó cạo chết cây cau su, còn lên lớp dạy lại mình cách trồng cau su, cách lấy mủ!”

Đến khi ông đi lo giấy tờ để xin xuất cảnh, thằng Rớt lái Honda đưa ông lên lên xuống xuống thành phố. Và cuối cùng, trong lúc ngồi trên xe ca đưa ông lên phi trường, nó khẽ tai nói nhỏ: “Nội đi rồi, chắc con không ở lại đây lâu đâu. Con sẽ vô khu đi kháng chiến phục quốc”. Ông bỗng nghe như xương sống của ông đứng thẳng lên, máu trong người chảy mạnh hơn, hơi thở thật sâu thật dài... Ông cầm lấy tay thằng Rớt, ráng sức già bóp thật mạnh. Chắc nó phải hiểu rằng ông đồng ý với nó. Chắc nó phải hiểu rằng ông đặt hết niềm tin vào nó và chúc nó thật nhiều can đảm để dẫn thân. Nhưng chắc nó không thể hiểu rằng trong cái siết tay đó ông còn ngấm cảm ơn nó đã cho ông thấy rằng tinh thần bất khuất của người dân miền Nam vẫn còn được luân lưu tiếp nối. Ông nói với nó mà tưởng chừng như nói với chính mình: “Bây giờ, ông thấy chẳng còn gì thắc mắc. Ông đi được rồi đó, Rớt!”

Ở phi trường, trong lúc ông theo luồng người bước vào bên trong, ông nghe thằng Rớt nhẩn vói, giọng thật to thật rõ: “Chừng yên nơi yên chỗ rồi, nội nhớ viết cho con ít chữ cho con yên lòng, nghe nội!” Câu nói chẳng có gì hết nhưng lại làm ông xúc động đến rớt nước mắt. Ông có cảm tưởng như thằng “cháu nội” đó thật sự là ruột thịt của ông và nó đang gọi ông đến một nơi an toàn để rảnh tay “lo chuyện lớn”, chuyện mà người già như ông không còn đủ sức để gánh vác. Ông nhìn lại thấy thằng Rớt thật mạnh khỏe, thật hiền-ngang, nổi bật trong rừng người đưa tiễn. Ông gật gật đầu trả lời nó rồi tiếp tục bước vào trong mà có cảm tưởng như vừa nhìn thấy, ở phía sau, một chân trời đang mở rộng...

Ông Hai qua nhà tắm súc miệng rửa mặt, rồi vào nhà bếp kiểm cái gì bỏ bụng. Trên bàn ăn, Kim có dán một miếng giấy chữ viết hơi to để ông đọc mà khỏi phải mang kiếng lão: “Hột gà để sẵn trong cái chảo nhỏ. Bánh mì trong four. Ba hăm cà phê sữa trong micro-ondes, nhớ vặn nút qua nấc thứ ba. Trưa, có cơm trong nồi điện, thịt kho rau sống trong frigo. Hôn ba.” Sáng nào cũng có miếng giấy dặn-dò tựa-tựa như vậy, nhứt là cái điểm “nấc thứ ba trên micro-ondes”. Bởi vì hồi mới qua, ông đã làm trào sữa ở trong đó! Mấy đứa con đã chỉ thật kỹ, “làm như vậy... vặn như vậy... rồi đợi nghe một tiếng keng là xong, nhưng coi chừng phồng tay”. Ông đã áp dụng đúng mấy cái “như vậy... vặn như vậy...” nhưng khi nghe cái keng ông mở cánh cửa lò micro-ondes thì... sự đã rồi! Ông đã chùi lau rất kỹ vậy mà chiều về Kim cũng thấy. Vậy là mỗi sáng, có màn dặn-dò khi cần nấu sữa nhớ để nấc số 3...

Ông ngồi ăn trứng chiên mà bỗng nghe thềm tô bánh canh của con Tư Liễu, con gái Sáu Tài thợ máy ở đồn điền (Sáu Tài có “nghề tay trái” là đồn ghi-ta cổ nhạc, nên đặt tên con là thằng Xang, thằng Xừ, con Liễu, con Xê...) Tô bánh canh của con Liễu thơm phức, nước trong veo, sợi bánh tròn đều trắng phau phau không dai không bở, thịt heo vừa mềm xắt không mỏng không dày. Đặc biệt là mỗi miếng đều có đủ thịt mỡ và da. Chỉ cần nhai vài cái là đủ thấy cái thi vị của cuộc sống nằm hết trong răng trong nướu! Hàng bánh canh của con Liễu đặt nép dưới mái hiên của tiệm nước thằng Tý, người Việt gốc Hoa. Tiệm này không có bảng hiệu, nhưng vì nằm ngay dưới gốc cây điệp thật lớn nên người ta gọi là “quán Cây Điệp”. Nhưng riết rồi khách hàng chỉ gọi trống bằng “Cây Điệp” hay “Thằng Tý” là hiểu ngay cái tiệm nước đó. Có lẽ tại vì chung quanh không còn cây điệp nào khác và chắc cũng không còn “thằng Tý” nào khác bán quán cà-phê trong cái tỉnh lỵ nhỏ xíu này!

Điểm đặc biệt là ở đây còn giữ nguyên nét “cổ điển” của tiệm cà phê: bàn gỗ vuông vuông đóng thô sơ, ghế đầu mặt tròn, trên bàn có ống đũa bằng sành và hai chai bằng sành loại có vòi như bình trà, một đựng xi-dầu một dấm đỏ (Để phân biệt, thằng Tý có chấm một chấm sơn đỏ trên cái nút đẹp, cũng bằng sành, của chai dấm. Nhưng khách hàng không cần để ý tới điểm đó bởi vì đã có thói quen đưa vòi lên mũi hửi trước khi sử dụng). Cái bếp nằm ngay phía trước. Ở đó, nấu mì hủ-tiểu pha cà-phê bán thuốc lá và râu tiền. Trên quầy có để hộp tắm xà phòng và một hộp quẹt máy cọt dính vào một cây đinh bằng sợi nhợ dài... để khách hàng đốt thuốc mà khỏi mang nó đi luôn! Hồi đó, ông Hai có cái thú dậy thật sớm lái xe xuống “Cây Điệp” uống cà-phê để nghe cái mùi tiệm nước nó đánh thức từ từ khứu giác và vị giác. Thật là đặc biệt, cái mùi tiệm nước. Mà phải là tiệm nước thuộc “loại cổ điển” mới có cái mùi đó. Mùi ngậy ngậy của bàn ghế gỗ thấm dầu mỡ lâu ngày mặc dù vẫn được lau tới lau lui. Mùi béo ngậy của giò cháo quẩy bánh tiêu vừa mới chiên xong để trong đĩa trên bàn. Mùi nước lèo phất qua mỗi lần thằng Tý mở nắp để mút chan lên tô mì hay tô hủ-tiểu. Và đặc biệt là mùi cà-phê mà tía thằng Tý lược bằng dợt vải trong mấy cái siêu bằng sành da lán màu vàng sậm. Cà-phê do tía thằng Tý pha trộn và rang lấy theo “bí quyết gia truyền”, có phun rượu trắng và “áo” bura Bretel, nên thơm một cách... mời mọc! Chen vào những thứ mùi đó, lâu lâu có mùi khói than trong bếp, nồng nồng cay cay... Thật là thú vị “cái mùi tiệm nước” buổi sáng sớm, khi mặt trời chưa ló dạng, khi bên ngoài không khí còn ướt lạnh sương đêm. Cái mùi đó nghe “thật ấm”, làm cho hớp cà-phê đầu ngày càng thêm đậm đà...

Đối với ông Hai, cái mùi tiệm nước đó cũng mang nét quê hương như mùi đồng un, mùi rơm mùi rạ, mùi bông lài bông bưởi bông cau... Những thứ mùi mà dù đi xa mấy cũng không bao giờ quên và dù thời gian cách biệt mấy cũng vẫn còn nhớ rõ. Làm như nó thấm ở đâu trong xương trong tủy... mà chỉ có trong kiếp lưu vong, con người mới nhận thấy rõ sự hiện diện của nó thôi.

Ông Hai thay đồ ấm rồi xuống đi bộ chậm chậm quanh hồ. Giờ này cũng vắng người. Trên khoảng đất trống cạnh hồ, một bé gái tóc vàng cỡ tuổi thằng Tý đang chơi một mình với quả bóng to. Phía sau nó, trên một băng gỗ, ba bà người Pháp vừa đan áo vừa nói chuyện với nhau, trong nắng. Ông Hai dừng chân gần đó, đứng hút thuốc cạnh bờ nước nhìn bầu thiên nga trắng phau bơi trên mặt hồ nhẹ nhàng như những đám bông gòn bị gió đưa đi. Trời đã sang xuân nên cây cối quanh hồ trở chồi non mơn mướt. Cỏ xanh được cắt xén kỹ, trải dài từ đồi nhỏ qua đồi to. Rải-rác dọc theo chân đồi là những khoảng đất trống bông đủ màu sắc. Mùi cỏ mới cắt thoang thoang trong không khí, ông Hai hít một hơi dài sáng khoái.

Bỗng một vật gì chạm nhẹ vào chân ông. Nhìn xuống thì ra là quả bóng của con bé tóc vàng. Ông nhìn nó, nó cười với ông. Thấy thương quá! Ông bèn đá bóng về phía nó, nó vỗ tay nhảy lên vui mừng. Rồi chặn bóng đá trở lại,

nhưng vì còn vụng về nên bóng đi xéo xéo làm ông Hai phải chạy vài ba bước mới chặn kịp. Thấy ông Hai chặn được bóng, con bé lại vỗ tay thích chí. Vậy là ông Hai với nó đá qua đá lại một lúc. Bỗng con bé giao bóng lệch đi khá xa. Ông Hai cố sức chạy theo nhưng không kịp. Quả bóng văng luôn xuống hồ. Ông vừa thở hổn-hển vừa “bật” ra bằng tiếng Việt: “Đá như vậy, ông nội tao giờ cũng chặn không kịp nữa!” Sức nhớ ra, ông quay về hướng nó, nói bằng tiếng Pháp: “Mày giao bóng xa quá mà!”. Con nhỏ mếu-máo, rồi vừa khóc vừa chạy về mấy người đàn bà. Ông thấy nó chỉ ông và ông nghe rõ nó nói: “Thằng chệt già đó làm văng bóng của con xuống hồ rồi kìa!”. Một bà đứng lên nhìn quả bóng đang bập-bênh cách bờ hồ độ một thước rồi cau mày nhìn ông. Có lẽ bà ta thấy mái tóc bạc của ông Hai nên nét mặt hơi dịu lại. Tuy nhiên, bà cũng đi nhanh về phía ông, vừa chỉ chỗ quả bóng vừa to tiếng: “Ông làm gì quả bóng của con bé vậy? Ông đá nó xuống hồ, hả? Sao ông ác quá vậy? Hả? Hả? Rồi bây giờ lấy gì cho nó chơi. Nó khóc kìa, ông thấy không?” Đứng xa, con bé vừa dậm chân vừa khóc la: “Trả bóng lại đây! Trả đây! Ừ...Ừ...” Ông Hai vừa ngạc nhiên vừa tức giận, nhưng cố giữ trầm tĩnh để phân trần: “Không! Không phải tại tôi. Tại con bé đó chứ!” Người đàn bà vẫn to tiếng: “Tại nó? Vô lý. Chính nó nói là ông đã làm văng quả bóng kia mà”. Ông lắc đầu, chỉ tay về hướng con bé: “Nó đá quả bóng chứ phải tôi đá đâu! Nó nói láo đó!” Bà ta vẫn gân gân: “Trẻ con tuổi đó mà nói láo à?” Ông chưa biết phải nói làm sao thì hai bà kia đã dẫn con bé đến “tiếp sức” với bà thứ nhất. Cả ba bà tranh nhau nói, tranh nhau lý-luận để đổ lỗi cho ông Hai. Còn con bé bây giờ đã ngồi bẹp xuống đất tiếp tục khóc la đòi bóng!

Nghe to tiếng, ông làm vườn đang trồng bông gần đó chạy đến xem. Mấy người đàn bà lại tranh nhau phân trần cho ông làm vườn. Bây giờ câu chuyện đã trở thành như sau: ông Hai giành chơi bóng của con nhỏ rồi đá bóng xuống hồ để... trả thù! Ông làm vườn phá lên cười: “Tôi xin lỗi. Mấy bà nói quá lời, đó! Làm gì có chuyện như vậy? Tôi biết ông đây mà”. Rồi quay sang bắt tay ông Hai: “Ông mạnh giỏi? Mấy lúc sau này sao không thấy ông đưa thằng Titi đi học?” (Ông ta gọi thằng Tí là “Titi”) Ông Hai vui vẻ trả lời: “Cám ơn ông, tôi vẫn mạnh. Đạo này, mẹ nó đưa nó”. Ông làm vườn “à” rồi quay sang mấy người đàn bà: “Ông đây ở cao ốc số 28. Ông thương trẻ con lắm. Tôi biết mà. Thôi các bà yên tâm. Để tôi vớt quả bóng cho”. Mấy bà nói “vậy à” lấy lệ rồi làm ra vẻ bận lo dở về con nhỏ để khỏi phải chú ý đến ông Hai. Ông cám ơn ông làm vườn rồi chậm rãi đi về nhà bằng con đường tắt dẫn lên lưng chừng đồi. Ông nghe lòng nặng trĩu, và thềm chửi thề một tiếng thật lớn!

Vào nhà, ông lấy rượu chát uống ực một ly. Ông rất thích rượu chát. Ngày xưa, lúc nào trong nhà cũng có rượu chát. Bây giờ ở Pháp, các con mua cho ông loại Chateaufort du Pape là loại mà ông thích nhất. Ngày nào ông cũng nhâm-nhi mấy lần, kể cả khi ăn điểm tâm. Ông thường nói: “Rượu chát, phải nhìn màu nâu đỏ của nó gợn lên trong ly, phải hít nhẹ mùi thơm của nó khi đặt vành ly lên môi. Chừng đó mới hợp một hợp, ngậm một chút để nghe chất rượu tròn lên trong miệng rồi mới nuốt từ từ...” Vậy mà bây giờ, ông ực một ly giống như uống nước lạnh! Để thấy “thiệt là bực mình biết bao nhiêu”! Qua phòng khách, ông đốt điếu thuốc rồi ngồi bập liên miên. Phải chi thằng Tí đừng về nội, giờ này nó ở trường, giờ này ông đã đến thăm nó... thì đâu có chuyện gì. Phải chi ông còn đưa rước thằng Tí như dạo trước thì ông đâu cần đi lang bang... Phải chi “con Kim nó nói thiệt để mình biết tại sao nó không để mình đưa rước thằng Tí”... thì ông đâu có thất-mắc, bởi thất-mắc nên cứ muốn đi vòng vòng... Phải chi hồi còn “vàng son”, bay qua đây tậu một villa to cho các con, có đất rộng vườn to... thì bây giờ ông đâu gặp chuyện bực mình ở nơi công cộng... Ờ... mà phải chi miền Nam đừng bị Việt Cộng chiếm đoạt... thì ông đâu trắng tay để phải lưu vong như vậy... Phải chi... Phải chi... Ông Hai thở dài, dụi điếu thuốc rồi đưa hai tay vuốt tóc như muốn phủi xuống những cái “phải chi” đang đè nặng trên đầu. Ông nghe ở kẽ mấy ngón tay dính vài sợi tóc. Đưa ra trước mặt, neho mắt nhìn: sợi tóc nào cũng trắng phau như cước.

Đêm đó, sau khi đưa cha vào giường nằm giữa hai lớp drap, Kim vừa tấn mí couette vừa hỏi:

- Ba có đồ giặt không?

- Có. Cái quần với cái áo sơ-mi máng trên cửa đó, con.

Kim cầm lấy quần áo thọc tay vào mấy túi để coi “ông già có để quên gì trong đó không”. Từ trong túi quần, Kim móc ra một cái đồng hồ đeo tay cũ kỹ. Ngạc nhiên, Kim hỏi:

- Ủa, Đồng hồ nào đây?

- Đồng hồ của ba, à...

- Còn cái đồng hồ Seiko điện tử mà thằng Út mua tặng ba đâu rồi?

Ông Hai nghiêng đầu về phía cái bàn con đặt cạnh đầu giường:

- Đó! Nó nằm cạnh cái đồng hồ reo, đó. Ba vẫn đeo nó chứ!

- Vậy! Còn cái này?

Ông Hai ngập-ngừng một lúc:

- Ờ... thì... ba giữ nó làm kỷ niệm.

Kim cầm đồng hồ ngắm nghía rồi cau mày:

- Ủa! Đồng hồ gì mà chạy kỳ vậy? Bây giờ mà nó chỉ 5 giờ!

- Giờ Việt Nam đó con.

Kim phì cười:

- Ở bên Pháp mà ba còn giữ giờ Việt Nam làm gì?

- Để... nhớ...

Tiếng “nhớ” nghẹn ngang ở cổ. Mặt ông Hai bỗng nhả lại. Ông nhắm nghiền mắt để kèm cảm-xúc. Trong một khoảnh-khắc, bao nhiêu hình ảnh hiện về trong đầu ông thật nhanh, chớp tắt không thứ-tự lớp-lang: bà Hai, cái nhà, sở cao-su, tiệm nước thằng Tý, con nhỏ tóc vàng đôi bóng, thằng Tí đứng sau hàng rào lưới kẽm, thằng Rót tiến ông ở phi-trường... Một lúc sau, ông mở mắt nhìn con gái, giọng buồn vô hạn:

- Ba bỏ xứ ba đi, ba chẳng còn gì để đem theo hết. Chỉ có cái đồng hồ đó là còn giữ được chút gì của Việt Nam, lâu lâu lấy ra dòm coi mấy giờ ở bên đó. Để còn có cái gì nó nhắc nhở. Và để thấy làm như mình vẫn chưa cắt lìa cuống rún đối với quê hương. Con hiểu không?

Kim cảm động nhìn cha. Mái tóc trắng càng quá trắng trên nền áo gối màu xanh sậm. Bao nhiêu nếp nhăn trên mặt trông thật rõ nét vì niềm xúc động dâng lên. Kim thấy thương cha vô cùng. Cô đem cái đồng hồ cũ của cha đến đặt một cách trang trọng cạnh đồng hồ Seiko, rồi cúi xuống vừa hôn lên trán cha vừa nói:

- Ba đừng buồn. Ở đây còn có tụi con, còn có thằng Tí...

Ông Hai xằng giọng:

- Thằng Tí! Thằng Tí! Có mỗi chuyện đưa rước nó đi mẩu giáo mà con còn giành thì lấy gì biểu ba vui đây?

Kim quỳ xuống cạnh giường, nhìn cha một lúc rồi nói:

- Chừng thằng Tí đi nội về, con sẽ giao nó lại cho ba đưa rước.

Ông Hai ngóc đầu lên, tròn mắt ngạc nhiên:

- Thiệt hả con?

Kim gật đầu nghiêm giọng:

- Nhưng mà với điều kiện là ba đừng cho nó uống rượu và ba phải bớt hút thuốc đi. Trong trường, người ta than phiền là sáng nào thằng nhỏ vào đó cũng nghe mồm miệng hôi rượu và quần áo tẩm mùi thuốc lá. Vậy, ba có hứa không?

Ông Hai nhớ lại sáng nào khi ông uống rượu chát ông cũng cho thằng Tí hớp một hớp giống như khi ông ăn vặt ông thường đút cho nó vài miếng. Thằng nhỏ khoái lắm, nhảy tưng tưng. Hình ảnh đó thật là dễ thương. Bây giờ thì... thôi! Điều quan trọng là được tiếp tục đưa rước thằng cháu ngoại. Nghĩ như vậy nên ông nheo mắt mỉm cười:

- Hứa chứ sao không, con.

Bỗng cái cười của ông méo đi. Ông chớp chớp nhanh mắt. Không kịp rồi! Hai giọt nước mắt đã lăn xuống hai bên thái dương. Kim ngạc nhiên:

- Ủa! Sao ba lại khóc?

- Ờ... già rồi, kỳ lắm. Buồn thì khóc đã đành. Mà vui cũng bắt chảy nước mắt nữa con! Ba đang vui lắm đó chứ!

Kim phì cười, cúi xuống hôn cha rồi đứng lên lấy đồ giặt bước ra. Đến ngưỡng cửa, Kim quay nhìn cha mà nghe tình thương càng dào-dạt trong lòng. Kim đưa tay tắt đèn rồi đóng cửa lại nhẹ nhẹ. Trong bóng tối, ông Hai tự nhủ thầm: “Rồi mình cũng phải tìm cách cai thuốc lá nữa chứ! Cho con nó vui...”

Đêm đó, ông Hai ngủ thật ngon, quên luôn rằng mình đang nằm giữa hai lớp drap chớ không có chui vào hai lớp mền như thường lệ!

Tiểu Tử